

CHUYÊN ĐỀ

CẨM NANG HÌNH SỰ

TÀI LIỆU THAM KHẢO

CAMNANGHINHSU.COM

“Thực trạng và một số bài học cũng như giải pháp nâng cao năng lực, chất lượng công tác THQCT - KSXX đối với các vụ án Cố ý gây thương tích và Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”

Những năm gần đây, công tác THQCT và KSXX các vụ án Cố ý gây thương tích và tai nạn giao thông của VKSND 2 cấp tỉnh Hòa Bình đã đạt được những kết quả nhất định, xét xử nghiêm minh, đúng người, đúng tội, không làm oan người vô tội, góp phần đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Tuy nhiên, tội Cố ý gây thương tích và Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ là 02 loại tội phạm trong thực tế thường xảy ra các vụ án khó, phức tạp và dễ dẫn đến oan, sai. Công tác THQCT và KSXX đối với 02 loại tội này của VKSND cấp sơ thẩm trong năm 2020 còn bộc lộ những hạn chế, thiếu sót trong quá trình đánh giá chứng cứ và áp dụng pháp luật dẫn đến 1 số vụ án xét xử còn nhiều tồn tại, sai sót, bị TAND cấp trên tuyên sửa, hủy bản án để điều tra, xét xử lại hoặc việc nhận định, giải quyết vụ án chưa thấu tình, đạt lý dẫn đến số lượng kháng cáo kêu oan chiếm tỷ lệ cao so với các loại tội phạm khác.

Để nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử các loại tội phạm hình sự nói chung, tội phạm Cố ý gây thương tích và tội phạm Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ nói riêng, Phòng thực hành quyền công tố - kiểm sát xét xử phúc thẩm án hình sự (Phòng 7) xây dựng chuyên đề *“Thực trạng và một số bài học cũng như giải pháp nâng cao năng lực và chất lượng công tác THQCT và KSXX đối với các vụ án Cố ý gây thương tích và Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”* nhằm chỉ rõ những vi phạm, nguyên nhân của những vi phạm, rút ra bài học kinh nghiệm và đề ra giải pháp thực hiện trong thời gian tới.

I. Số liệu xét xử các vụ án về tội Cố ý gây thương tích và TNGT

Trong năm 2020, VKSND cấp sơ thẩm xét xử tổng số 497 vụ/ 902 bị cáo (trong đó tội Cố ý gây thương tích 21 vụ/ 39 bị can; tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ 25 vụ/ 26 bị can).

- Số vụ có kháng cáo: 14 vụ/ 16 bị cáo (Cố ý gây thương tích 06 vụ/ 08 bị cáo; Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ 08 vụ/08 bị cáo).

- Số vụ kháng nghị phúc thẩm: 02 vụ 02 bị cáo (Cố ý gây thương tích 02 vụ/ 02 bị cáo; Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ 0 vụ); 02 vụ án do VKSND tỉnh Hòa Bình kháng nghị, không có vụ án nào do VKSND cấp sơ thẩm kháng nghị.

- Số vụ báo cáo đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm: 02 vụ/02 bị cáo (cố ý gây thương tích).

- Số vụ sửa bản án sơ thẩm có lỗi của VKS cấp sơ thẩm: 03 vụ (vụ Bùi Văn Chiến – Điều 134; Nguyễn Thu Quỳnh – Điều 260; Đào Mạnh Bùi – Điều 260)

- Số vụ hủy bản án sơ thẩm có lỗi của VKS cấp sơ thẩm: 02 vụ (Phạm Anh Tuấn – 202; Trịnh Quốc Việt – 134).

II. Những dạng vi phạm, thiếu sót trong hồ sơ vụ án dẫn đến việc phát sinh quan điểm tranh tụng tại phiên tòa và các dạng vi phạm, thiếu sót của bản án sơ thẩm bị kiến nghị, kháng nghị

1. Công tác khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra

- Hiện trường xảy ra vụ việc có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định sự thật khách quan của vụ án, đặc biệt là đối với loại tội Cố ý gây thương tích và tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ. Điều 201 và Điều 204 BLTTHS quy định rất rõ về trình tự, thủ tục khám nghiệm hiện trường và thực nghiệm điều tra; gần đây Bộ Công an ban hành Thông tư số 63/2020/ TT-BCA ngày 19/6/2020 quy định quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ của lực lượng Cảnh sát giao thông, tại Điều 9 và khoản 4 Điều 15 của Thông tư đã quy định rất rõ quy trình và các bước tiến hành khám nghiệm hiện trường, dựng lại hiện trường các vụ TNGT. Tuy nhiên, thông qua nghiên cứu một số vụ án có kháng cáo, kháng nghị nhận thấy công tác khám nghiệm hiện trường chưa được chú trọng thực hiện, còn những hạn chế, thiếu sót dẫn đến giá trị chứng minh không cao. Cụ thể:

1.1. Công tác khám nghiệm hiện trường đối với tội Cố ý gây thương tích, nhiều vụ chưa được thực hiện ngay sau khi tiếp nhận tin báo nên không kịp thời thu thập dấu vết, vật chứng có ý nghĩa đối với việc xác định sự thật của vụ án, nhất là việc thu giữ hung khí khi bị cáo vứt bỏ sau khi gây án dẫn đến khó khăn trong việc xác định điểm khoản truy tố; có một số vụ sau khi hai bên không thể hòa giải thì CQĐT mới tiến hành khám nghiệm hoặc xác định lại hiện trường gây án nên hiện trường không còn nguyên vẹn, khó phát hiện hoặc đã mất dấu vết chứng minh tội phạm.

1.2. Đặc biệt công tác khám nghiệm hiện trường tai nạn giao thông đối với một số vụ còn sơ sài, ghi nhận không đầy đủ dấu vết dẫn đến khó khăn khi cần thực nghiệm điều tra, đánh giá chứng cứ hoặc có nhận định không chính xác với dấu vết để lại hiện trường. Điển hình như:

+ Vụ án Phạm Anh Tuấn – Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ theo quy định tại Điều 202 BLHS năm 1999, bị cáo bị truy tố và xét xử về lỗi chuyển hướng sang đường không có tín hiệu báo hướng rẽ, không quan sát tình trạng giao thông, gây trở ngại và nguy hiểm cho bị hại đang lưu thông trên đường, vi phạm khoản 1 và khoản 2 Điều 15 Luật Giao thông đường bộ (LGTĐB). Tuy nhiên, (1) khi khám nghiệm hiện trường đã không tiến hành xác

định điểm bị cáo dừng đỗ xe trước khi chuyển hướng sang đường dẫn đến việc xác định điểm A không chính xác; sau này thực nghiệm lại thì điểm A trong biên bản thực nghiệm đã lệch so với điểm A trong biên bản khám nghiệm hiện trường ban đầu là 30 cm, đây là nội dung luật sư tập trung tranh luận, yêu cầu KSV đối đáp nhiều lần trong quá trình tranh tụng. (2) Dấu vết cày (cà trượt) để lại trên mặt đường được ghi nhận, phản ánh vào biên bản khám nghiệm hiện trường nhưng không xác định là do bộ phận nào của phương tiện tạo nên.

+ Vụ án Đào Mạnh Bùi – Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, bị cáo Đào Mạnh Bùi có hành vi điều khiển xe ô tô đi chiếm đường xe ô tô đi ngược chiều gây tai nạn. Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã lấy vị trí điểm điểm va chạm của 02 phương tiện để xác định khoảng cách chiếm đường của phương tiện do bị cáo điều khiển. Việc xác định như vậy là không chính xác đối với trường hợp 02 xe ô tô đâm nhau bởi vì, điểm va chạm là điểm chạm của 2 phương tiện khi xảy ra tai nạn đối chiếu vuông góc xuống mặt đường; còn khoảng cách chiếm đường của các phương tiện phải xác định trên cơ sở vị trí của 02 phương tiện khi xảy ra va chạm. Theo hồ sơ vụ án, điểm va chạm chiếm sang phần đường của bị hại là 0,55m; dựa vào vị trí điểm va chạm các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã xác định bị cáo chiếm đường ngược chiều là 0,55m và không xác định bị hại đi lấn đường ngược chiều; tuy nhiên dựa vào vị trí của 02 xe ô tô khi xảy ra va chạm tại biên bản thực nghiệm điều tra thì xe ô tô do bị cáo điều khiển chiếm đường ngược chiều là 1,515 m, xe ô tô do bị hại điều khiển cũng lấn đường ngược chiều là 0,285m. Do vậy, cấp phúc thẩm đã sửa bản án sơ thẩm, nhận định bị hại có 1 phần lỗi và sửa lại mức bồi thường thiệt hại.

1.3. Khi thực nghiệm điều tra đã ghi nhận không đúng so với dấu vết ban đầu, Biên bản khám nghiệm hiện trường xác định xe bị cáo nằm đổ bên **trái** nhưng tại báo cáo thực nghiệm điều tra của Phòng Kỹ thuật hình sự (PC54 cũ) Công an tỉnh Hòa Bình thì xe của bị cáo đổ nghiêng **phải**. Bản ảnh hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện thể hiện xe của bị hại **không có giỏ xe** nhưng trong báo cáo thực nghiệm điều tra của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hòa Bình nhận định vết cà trượt số 1 và số 2 là **giỏ xe** tạo nên, đây là một trong các nội dung kháng cáo của bị cáo, bị cáo cho rằng CQĐT sửa chữa hồ sơ, làm giả dấu vết vụ án để buộc tội (vụ *Phạm Anh Tuấn*)

2. Giám định thương tích và định giá tài sản bị thiệt hại

2.1. Trong quá trình điều tra, xác minh thu thập chứng cứ, ĐTV và KSV không nghiên cứu kỹ các tài liệu đã thu thập được nên hồ sơ có nhiều mâu thuẫn dẫn đến việc phải giám định lại và căn cứ vào những mâu thuẫn trong hồ sơ vụ án, bị cáo đã kháng cáo kêu oan. Cụ thể là vụ Nguyễn Chiến Thắng phạm tội Cố ý gây thương tích, bị hại bị gãy tay phải nhưng trong bệnh án ghi chép bị hại gãy tay trái; bị hại đã từng bị gãy tay trước đó 10 năm nhưng quá trình giám định không xác định đâu là dấu vết gãy xương cũ, đâu là vết gãy xương mới; với những mâu thuẫn

trong hồ sơ vụ án, bị cáo đã kháng cáo kêu oan và tại giai đoạn xét xử phúc thẩm Kiểm sát viên đã mất rất nhiều thời gian để nghiên cứu hồ sơ vụ án, dự kiến các tình huống tranh tụng để bảo vệ quan điểm y án sơ thẩm.

2.2. Khi trung cầu giám định, CQĐT yêu cầu giám định không cụ thể chi tiết, dẫn đến trường hợp bị hại có nhiều thương tích trên người nhưng cơ quan giám định chỉ trả lời tổng thương tích của bị hại. Việc chỉ kết luận tổng thương tích sẽ khó khăn cho công tác kiểm sát vì KSV không thể đối chiếu từng thương tích với bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể và kiểm tra lại phương pháp cộng lùi theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế (vụ *Vũ Văn Hưng – Điều 134*) hoặc có những bản Kết luận giám định không xác định vết thương do vật gì gây nên, trong khi cáo trạng đề nghị truy tố với tình tiết dùng hung khí nguy hiểm.

2.3. Điều 206 BLTTHS quy định đối với chất ma túy, vũ khí quân dụng, vật liệu nổ, chất cháy, chất độc, chất phóng xạ... thì bắt buộc phải trung cầu giám định. Tuy nhiên, đối với tội Cố ý gây thương tích bằng hình thức tạt/hắt axit, CQĐT không tiến hành trung cầu giám định để xác định axit trong khi thu giữ được đồ vật đựng, quần áo của bị hại dính axit (vụ *Nguyễn Trọng Lộc – Điều 134*).

2.4. Đối với vụ TNGT cần giám định xác định tốc độ, CQĐT tiến hành trung cầu giám định tại Phòng KTHS Công an tỉnh Hòa Bình và được trả lời là không đủ cơ sở để xác định tốc độ. Tuy nhiên, với kết quả giám định đó, CQĐT không tiếp tục trung cầu Viện khoa học hình sự để đảm bảo căn cứ vững chắc, dẫn đến khi vụ án có kháng cáo, TAND tỉnh Hòa Bình đã có yêu cầu VKS xác minh, thu thập bổ sung chứng cứ về nội dung này (vụ *Phạm Anh Tuấn – Điều 202 BLHS 1999*).

2.5. Định giá không trừ khấu hao tài sản: Điểm b, khoản 2, Điều 17 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính Phủ quy định và Điều 4, Thông tư số 43/2018/TT-BTC, ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn: "Tài sản đã qua sử dụng: Hội đồng định giá xác định giá của tài sản trên cơ sở xác định giá trị thực tế của tài sản". Diễn hình:

- Vụ án Đào Mạnh Bùi – Điều 260, Hội đồng định giá tài sản đã kết luận giá trị thiệt hại tài sản là giá trị các phụ tùng thay thế mới 100% mà không xác định giá trị còn lại của tài sản bị thiệt hại để khấu trừ khấu hao (*xác định giá trị thực tế của tài sản*), dẫn đến vụ án phải trung cầu định giá lại. Kết quả định giá lại sau khi trừ khấu hao tài sản dẫn đến sự chênh lệch về giá trị thiệt hại trên 15 triệu đồng (*từ thiệt hại 926.006.400đ giảm xuống còn 910.565.244đ*).

- Vụ Cao Đại Hải - Điều 260, quá trình định giá tài sản bị thiệt hại đối với các phương tiện cũng không xác định giá trị còn lại (giá trị thực tế) của tài sản bị thiệt hại thời điểm bị xâm hại để khấu trừ khấu hao, nên phải trung cầu định giá lại dẫn đến sự chênh lệch lớn, giảm 56.938.270 đồng (*từ 285.344.273đ xuống còn 228.406.000đ*).

2.6. Có trường hợp TNGT gây hậu quả chết người và hư hỏng phương tiện tham gia giao thông nhưng CQTHTT không định giá xác định thiệt hại đối với phương tiện tham gia giao thông. Việc không định giá tài sản bị thiệt hại có thể dẫn đến lọt điểm truy tố (vì theo điểm d khoản 1 Điều 260 BLHS có quy định “gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000đ đến dưới 500.000.000đ); hoặc nếu giá trị tài sản dưới mức truy tố nhưng vẫn cần trưng cầu định giá thiệt hại tài sản để làm căn cứ giải quyết phân dân sự trong vụ án (vụ *Nguyễn Ngọc Cương – Điều 260...*)

3. Xác định lỗi và tội danh

3.1. Đối với việc xác định lỗi trong vụ án Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ. Theo Hướng dẫn giải quyết án tai nạn giao thông tại Công văn số 3219/VKSTC-V1A ngày 07/10/2009 của VKSND tối cao). Người tham gia giao thông chỉ phải chịu TNHS khi họ có hành vi vi phạm các quy định về an toàn giao thông trực tiếp gây tai nạn. Đối với những lỗi không trực tiếp gây tai nạn như không có giấy phép lái xe; trong máu và hơi thở có nồng độ cồn; có sử dụng ma túy; bỏ chạy khi gây tai nạn... được quy định là những tình tiết tăng nặng chuyển khung. Khi kết luận lỗi của bị can cần nêu cụ thể hành vi của bị can đã vi phạm quy định nào của Luật giao thông đường bộ và lỗi đó là lỗi chính hay lỗi phụ, lỗi nguyên nhân hay lỗi điều kiện. Tuy nhiên vẫn có những đơn vị, khi ban hành cáo trạng không kết luận hành vi của bị cáo đã vi phạm điều, khoản nào của Luật giao thông đường bộ là nguyên nhân dẫn trực tiếp dẫn đến tai nạn; cáo trạng chỉ kết luận hành vi của bị cáo vi phạm khoản 8 Điều 8 Luật giao thông đường bộ (trong máu và hơi thở có nồng độ cồn) và khoản 9 Điều 8 Luật giao thông đường bộ (không có giấy phép lái xe) để kết luận lỗi của bị cáo và xác định đó là nguyên nhân gây tai nạn (như vụ Quách Trung Hiếu).

3.2. Đối với việc định tội danh Cố ý gây thương tích và tội danh Giết người là nội dung còn gặp khó khăn, vướng mắc trong nhận thức và áp dụng pháp luật.

Căn cứ vào các thông báo rút kinh nghiệm của VKSND cấp cao 1 (Thông báo số 04/TB-VC1-V1 ngày 28/3/2017; Thông báo số 04/TB-VC1-HS ngày 30/12/2019) và Thông báo rút kinh nghiệm số 892/TB-VKSTC ngày 20/11/2019 của VKSND tối cao thì căn cứ định tội danh Cố ý gây thương tích hay Giết người phụ thuộc vào hành vi khách quan của bị cáo để chứng minh ý thức chủ quan như mức độ, cường độ tấn công; việc dùng hung khí nguy hiểm (dao, kiếm...); vùng gây thương tích là những vùng trọng yếu trên cơ thể bị hại (vùng đầu, ngực, bụng...)... Như vậy, để định tội danh Cố ý gây thương tích hay Giết người phụ thuộc vào chứng cứ thu thập được trong từng vụ án để đánh giá, xác định tội danh; nếu định tội danh sai sẽ dẫn đến huỷ bản án sơ thẩm để điều tra lại do sai về thẩm quyền điều tra; vi phạm tố tụng do không đảm bảo quyền của bị cáo theo quy định của BLTTHS (như quyền mời người bào chữa...). Do vậy, các đơn vị cần hết sức thận trọng trong việc định tội danh, chú trọng việc họp 3 ngành cũng như việc báo cáo xin ý kiến của thỉnh thị của VKSND cấp trên để được hướng dẫn kịp thời.

3.3. Một nội dung cần lưu ý trong khi định tội danh Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, Án lệ số 30/2020/AL được công bố theo Quyết định số 50/QĐ-CA ngày 25/02/2020 của Chánh án TAND tối cao, theo đó hành vi cố ý điều khiển phương tiện giao thông chèn lên người bị hại sau khi gây tai nạn là tội Giết người.

4. Xác định tư cách tham gia tổ tụng

4.1. Xác định thiếu người tham gia tổ tụng đối với phần dân sự trong vụ án: Không đưa những người đứng ra bồi thường thiệt hại cho bị cáo vào tham gia tổ tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (vụ Nguyễn Văn Kết – 260); không đưa Công ty bảo hiểm tham gia tổ tụng trong khi bị hại yêu cầu được bồi thường tiền bảo hiểm hành khách (vụ Nguyễn Thu Quỳnh – 260).

4.2. Xác định bị hại là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cụ thể là vụ Bùi Văn Thụ - Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, bị cáo gây tai nạn dẫn đến tổn hại sức khỏe của 02 người với tổng tỷ lệ tổn hại sức khỏe là 139% (anh Phạm Quốc Khánh bị thiệt hại 91% sức khỏe và anh Trần Quang Ánh bị thiệt hại 48% sức khỏe), bị cáo bị xét xử theo điểm e khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự (*gây thương tích và gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 122% đến 200%*) nhưng bản án sơ thẩm chỉ xác định anh Khánh (bị thiệt hại 91%) là bị hại, còn anh Ánh (bị thiệt hại 48%) là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Việc xác định anh Ánh là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không chính xác, dẫn đến làm mất quyền kháng cáo của anh Ánh và không phù hợp với hướng dẫn của Vụ 7 VKSND Tối cao giải đáp: *Trong vụ án “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, có hậu quả B chết, C và D bị thương nhưng tỷ lệ thương tích của C và D không đủ để truy cứu TNHS nhưng C và D tham gia tổ tụng với tư cách là người bị hại, bởi vì họ là những cá nhân trực tiếp bị thiệt hại về thể chất do tội phạm gây ra theo quy định tại Điều 62 BLTTHS và được bồi thường dân sự theo quy định của BLDS.*

5. Xác định đồng phạm

5.1. Có dấu hiệu bỏ lọt người phạm tội trong vụ án Cố ý gây thương tích có đồng người cùng bàn bạc, tham gia với nhận thức là không trực tiếp tham gia đánh gây thương tích thì không phạm tội. Cụ thể là vụ án Bùi Văn Chiến và đồng phạm về tội Cố ý gây thương tích, theo hồ sơ vụ án thể hiện 10 đối tượng rủ nhau và chuẩn bị gây đứng phục kích đánh gây thương tích cho nhóm bị hại. Trong đó có 04 người trực tiếp đánh bị khởi tố, truy tố và xét xử về tội Cố ý gây thương tích; 06 người còn lại thể hiện có hành vi giúp sức về mặt tinh thần hoặc không đánh do sự việc diễn ra nhanh, bị hại đã bị đánh gục, nhân dân gần hiện trường phát hiện... nhưng cấp sơ thẩm không xác định hoặc làm rõ để xác định 06 người còn lại là đồng phạm trong vụ án hay không mà chỉ nhận định việc CQĐT ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 06 đối tượng về hành vi gây rối trật tự công cộng là thỏa đáng. Vụ án này, VKSND tỉnh Hòa Bình đã kháng nghị theo hướng có dấu hiệu bỏ

lọt người phạm tội nhưng TAND tỉnh Hòa Bình không chấp nhận kháng nghị. VKSND tỉnh Hòa Bình báo cáo đề nghị giám đốc thẩm nhưng TAND tối cao đã không chấp nhận kháng nghị; VKSND tỉnh Hòa Bình tiếp tục báo cáo VKSND tối cao xem xét, hiện vụ án đang trong thời hạn xem xét giám đốc thẩm.

Nguyên nhân của việc bỏ lọt tội phạm, ngoài việc chưa nắm rõ quy định chung về đồng phạm thì còn có tình trạng chưa nghiên cứu, chưa nắm rõ quy định tại khoản 6 Điều 134 BLHS: “*người nào chuẩn bị... hung khí nguy hiểm ... hoặc thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm nhằm gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác thì bị phạt tù từ 03 tháng đến 02 năm*” (đây là quy định mới so với BLHS năm 1999). Nội dung này cũng đã được giải đáp tại Điều 14 Phần hình sự của Giải đáp số 98/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của TAND tối cao, theo đó TAND tối cao đã hướng dẫn “*Quy định tại khoản 6 Điều 134 BLHS không bắt buộc người phạm tội phải hoàn thành hành vi khách quan là gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác và cũng không bắt buộc phải có hậu quả xảy ra. Người có hành vi chuẩn bị 1 trong các loại công cụ, phương tiện phạm tội như: vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm, a xít nguy hiểm, hóa chất nguy hiểm hoặc thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm nhằm gây thương tích thì đã đủ dấu hiệu về mặt hành vi khách quan để xử lý hình sự người phạm tội*”

5.2. Cáo trạng không kết luận rõ ràng về việc có đồng phạm hay không có đồng phạm dẫn đến việc HĐXX sơ thẩm yêu cầu khởi tố vụ án (vụ Nguyễn Hữu Huy, Cố ý gây thương tích). Hồ sơ vụ án thể hiện Kết luận giám định kết luận bị hại Lê Gia Trọng bị tổn hại 03% sức khỏe, trong đó có 02% sức khỏe là do bị cáo Nguyễn Hữu Huy đã có hành vi dùng tay đánh vào mặt và dùng gạt tàn thuốc bằng thủy tinh đập vào đầu gây nên; còn 01% do trượt da ở cổ tay phải, bàn tay hai bên do vật có cạnh và vật tày tác động gây tổn thương phần mềm của bị hại chưa được làm rõ là do ai gây ra; lời khai người làm chứng cho biết ngoài bị cáo Nguyễn Hữu Huy thì còn có các đối tượng Nguyễn Thanh Hùng, Nguyễn Đình Lý, Đào Huy Hoan, cùng 1 số đối tượng khác tham gia vụ ẩu đả nhưng chưa được làm rõ. Cáo trạng không kết luận rõ ràng là hành vi của các đối tượng trên không phạm tội hay chưa đủ cơ sở để điều tra, làm rõ, Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục điều tra, xác minh dẫn đến việc tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử sơ thẩm đã áp dụng Điều 18; khoản 4, Điều 153 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên cụ thể trong bản án yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự để điều tra làm rõ các nội dung trên.

Đối với nội dung này, các đơn vị cần lưu ý đến Thông báo rút kinh nghiệm số 13/TB-VC1-HS ngày 18/3/2020 của VKSND Cấp cao 1: Theo nội dung thông báo rút kinh nghiệm cho thấy, bị cáo có hành vi làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để lừa bị hại cho vay tiền, TAND cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo Điều 341 BLHS và nhận định hành vi của bị cáo có dấu hiệu của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 BLHS, đồng thời kiến nghị trong bản án về việc đề nghị CQCSĐT cùng cấp

làm rõ hành vi có dấu hiệu của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của bị cáo. TAND cấp cao 1 đã kháng nghị giám đốc thẩm, tuyên hủy bản án để điều tra lại với nhận định: *Quá trình giải quyết vụ án, TA cấp sơ thẩm nhận định hành vi của bị cáo có dấu hiệu của tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng không trả hồ sơ để điều tra bổ sung mà vẫn xét xử và kiến nghị khởi tố là sai lầm nghiêm trọng về tố tụng, có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, vi phạm quy định các Điều 280 (Trả hồ sơ ĐTBS), 326 (Nghị án) của BLTTHS.*

6. Xác định điểm, khoản truy tố

6.1. Khi truy tố, xét xử bị cáo về tội Cố ý gây thương tích theo điểm đ khoản 2 và điểm c khoản 3 Điều 134 BLHS “*Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người ...thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 điều này*”, tuy nhiên bản án không nhận định hành vi của bị cáo rơi vào điểm nào của khoản 1 Điều 134 BLHS (vụ *Bùi Văn Tuấn – 134; Bùi Văn Bày – Điều 134*).

6.2. Không áp dụng điểm i khoản 1 Điều 134 BLHS “Phạm tội có tính chất côn đồ” khi có căn cứ: Theo án lệ số 17/2018/AL và một số văn bản thông báo rút kinh nghiệm của VKSTC (*Thông báo rút kinh nghiệm số 892/TB-VKSTC ngày 20/11/2019 của VKSND tối cao; Thông báo rút kinh nghiệm số 33/TB-VC1-VI ngày 03/9/2019 và số 46/TB-VC1-VI ngày 10/10/2019 của VKS Cấp cao 1*) thì có thể đánh giá “có tính chất côn đồ” là việc vô cớ, không có mâu thuẫn hoặc chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt mà có hành vi phạm tội nguy hiểm, thể hiện sự coi thường pháp luật, coi thường sức khỏe, tính mạng, tài sản của người khác. Cụ thể như vụ án *Bạch Công Cảnh – Cố ý gây thương tích*, khi thấy con trai mâu thuẫn với 02 thanh niên, bị cáo cầm xẻng đập 1 phát từ phía sau lên vùng đầu của bị hại gây tổn hại 32% sức khỏe nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết “Phạm tội có tính chất côn đồ”.

6.3. Điểm b khoản 2 Điều 260 BLHS quy định “*Trong tình trạng sử dụng rượu, bia..., có sử dụng chất ma túy hoặc chất kích thích mạnh khác*”. Tuy nhiên, gần như các vụ việc về TNGT mới chỉ tiến hành xác định nồng độ cồn mà chưa xác định có hay không có việc sử dụng chất ma túy.

Mặt khác, gần như các vụ án TNGT đều chưa xác định bị hại có sử dụng rượu bia, ma túy hoặc các chất kích thích mạnh khác để xác định lỗi của bị hại làm căn cứ giải quyết phần dân sự.

6.4. Một vấn đề cần lưu ý: Khoản 8 Điều 8 Luật Giao thông đường bộ năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung 1 số điều theo Luật số 35/2018/QH14 quy định một trong các hành vi bị nghiêm cấm là: “8. *Điều khiển xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn; Điều khiển xe mô tô, xe gắn máy mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc 0,25 miligam/1 lít khí thở*”. Như vậy, đối với người điều khiển xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng thì bị nghiêm cấm sử dụng rượu bia và không cần phải

xác định nồng độ cồn trong máu và hơi thở. Chỉ đối với người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy mới quy định về mức vượt quá của nồng độ cồn trong máu và khí thở.

Điều 35 Luật phòng chống tác hại rượu bia (có hiệu lực từ ngày 01/01/2020) đã sửa đổi bổ sung khoản 8 Điều 8 Luật giao thông đường bộ, theo đó 1 trong những hành vi bị nghiêm cấm là “Điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn”, quy định mới đã bãi bỏ nội dung “Điều khiển xe mô tô, xe gắn máy mà trong máu có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc 0,25 miligam/1 lít khí thở”. Như vậy, khoản 8 Điều 8 Luật giao thông đường bộ được sửa đổi theo Điều 35 Luật phòng chống tác hại rượu bia đã nghiêm khắc hơn, đã mở rộng đối tượng bị nghiêm cấm sử dụng rượu bia khi tham gia giao thông là tất cả những người điều khiển phương tiện giao thông. Theo đó, đã sử dụng rượu bia thì không được điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ.

6.5. Thực tế chưa có vi phạm nhưng có nhiều đơn vị hỏi, trao đổi về nội dung này nên cần lưu ý để áp dụng và giải quyết đúng: Thế nào là “Người già yếu, ốm đau” theo điểm c khoản 1 Điều 134 BLHS, tài liệu giải đáp của Vụ 7 đã hướng dẫn: *Nghiên cứu các quy định liên quan của BLHS năm 2015 và tham khảo nội dung hướng dẫn của Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 và Nghị quyết 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao về thi hành BLHS năm 1999, thì “Người già yếu” có thể được hiểu là người từ đủ 70 tuổi trở lên và có sức khỏe loại yếu (thường xuyên đau ốm).*

Đây là hướng dẫn của VKSND tối cao nên các đơn vị cần nghiên cứu, áp dụng, tuy nhiên để thống nhất nhận thức chung, trong từng vụ án cụ thể các đơn vị cần họp 3 ngành để trao đổi nghiệp vụ và báo cáo phòng nghiệp vụ VKSND tỉnh Hòa Bình để thống nhất nhận thức và áp dụng pháp luật.

7. Áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS

7.1. Không áp dụng tình tiết “Phạm tội đến cùng” như vụ án Trịnh Quốc Việt và đồng phạm – Cố ý gây thương tích, bị cáo đánh bị hại khiến bị hại ngã ngựa đập đầu xuống đường gây tổn hại 31% sức khỏe và bị hại được người làm chứng khiêng dựa vào thành cầu. Nhưng sau đó bị cáo tiếp tục đi về nhà lấy hung khí là 01 chiếc gậy bằng kim loại đến chỗ bị hại vụt 1 nhát vào vùng thái dương trái của bị hại gây vỡ xương thái dương trái, gây tổn hại 21% Sức khỏe nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng “phạm tội đến cùng”.

7.2. Việc áp dụng tình tiết “người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm” theo điểm a khoản 1 Điều 51 BLHS: Vụ án Trịnh Quốc Việt và đồng phạm – 134, Phòng 7 tham mưu cho lãnh đạo viện báo cáo đề nghị kháng nghị GĐT, trong đó có nội dung: *Khi Trịnh Quốc Việt cầm đoạn gậy bằng kim loại đánh bị hại, khi Việt đang định đánh nhát thứ 2 thì Nguyễn Châu Giang chạy đến can ngăn, giật hung khí trên tay Việt ném đi. Như vậy Nguyễn Châu Giang đã có hành vi ngăn cản Trịnh Quốc Việt, làm giảm bớt tác hại của tội phạm, đây là tình*

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 51 BLHS nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét, áp dụng cho bị cáo Nguyễn Châu Giang. Tuy nhiên, tại Quyết định giám đốc thẩm số 03/2012/HS-GĐT ngày 08/02/2021, UBTP TAND cấp cao 1 đã nhận định: Kiến nghị của VKSND tỉnh Hòa Bình cho rằng cần phải áp dụng tình tiết “người phạm tội đã ngăn chặn hoặc làm giảm bớt tác hại của tội phạm” là không chính xác bởi lẽ Phạm Châu Giang có hành vi ngăn cản, làm giảm bớt tác hại hành vi phạm tội của Trịnh Quốc Việt, không phải làm giảm bớt tác hại do chính hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

7.3. Lưu ý: (1) Việc áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS “Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai và người đủ 70 tuổi trở lên” theo điều 52 BLHS chỉ áp dụng đối với trường hợp phạm tội do lỗi cố ý và không phụ thuộc vào ý thức chủ quan của bị cáo có nhận biết được hay không nhận biết được người bị xâm hại là người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai và người đủ 70 tuổi (theo tinh thần Nghị quyết số 01/2006 của HĐTP TAND tối cao). Theo đó, tình tiết tăng nặng TNHS này chỉ áp dụng đối với tội cố ý gây thương tích mà không áp dụng đối với tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ.

(2) Áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” theo điểm o khoản 1 Điều 52 BLHS: Thực tế khi THQCT và KSXX đối với các loại tội phạm nói chung đã phát sinh quan điểm có áp dụng tình tiết này đối với trường hợp người xúi giục là người dưới 18 tuổi hay không. Nội dung này đã được VKSND tối cao giải đáp tại Công văn số 5442, ngày 30/11/2020, theo đó nếu người dưới 18 tuổi có hành vi xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội thì vẫn có thể bị xem xét áp dụng tình tiết tăng nặng “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội”.

8. Áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo không đúng quy định

- Chủ yếu rơi vào tội Cố ý gây thương tích, do không xác định bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ; xác định tiêu các điểm tăng nặng TNHS khác. Phạm tội có tính chất côn đồ; phạm tội nhiều lần thuộc trường hợp không được hưởng án treo theo Điều 3 Nghị quyết 02/2018/ NQ-HĐTP.

- Lưu ý: Trường hợp bị cáo có 02 tiền án chưa được xóa án tích nhưng tiếp tục có hành vi dùng tay chân đánh bị hại gây thương tích dưới 11%, bị cáo bị xét xử theo điểm d khoản 2 Điều 134 BLHS với tình tiết định khung “tái phạm nguy hiểm” và không áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS là “Tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm”. Theo Điều 26 Tài liệu giải đáp của Vụ 7, Công văn 5887 của VKSND tối cao và Thông báo rút kinh nghiệm số 62, ngày 07/8/2020 của VKSND cấp cao tại Hà Nội thì trường hợp nêu trên được coi là có nhân thân xấu và không được hưởng án treo theo Nghị quyết 02/2018/ NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao.

9. Giải quyết phần dân sự

9.1. Tuyên chấp nhận sự thỏa thuận về mức bồi thường thiệt hại khi chưa giải thích cho bị hại nắm rõ các khoản theo quy định của pháp luật mà bị hại được nhận bồi thường dẫn đến trong số tiền thỏa thuận bồi thường thiếu khoản bồi thường về tổn thất tinh thần. Vì vậy sau phiên tòa bị hại có đơn đề nghị tăng mức bồi thường, bổ sung nội dung yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tổn thất tinh thần; cấp phúc thẩm đã phải chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm.

Đối với nội dung này, theo tài liệu giải đáp của Vụ 7 đã hướng dẫn: *Trong trường hợp bị cáo và bị hại thỏa thuận với nhau về phần bồi thường thiệt hại tại phiên tòa, Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các bên vào bản án. Nếu sau khi xét xử sơ thẩm, các bên kháng cáo tăng hoặc giảm mức bồi thường thì cấp phúc thẩm không thụ lý, bởi vì Tòa chỉ ghi nhận nội dung thỏa thuận mà không phải đưa ra phán quyết về việc đó. Việc Tòa án cấp phúc thẩm không thụ lý kháng cáo là phù hợp với khoản 2, Điều 3 BLDS và khoản 3, Điều 401 BLTTHS. Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các bên chỉ có thể bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm nếu có căn cứ cho rằng sự thỏa thuận đó là do bị nhầm lẫn, lừa dối, đe dọa, cưỡng ép hoặc vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội theo quy định tại khoản 2, Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự.* Vì vậy các KSV cần lưu ý nội dung này, trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử cần giải quyết phần dân sự trong vụ án hình sự đảm bảo các trình tự, thủ tục giống như 1 vụ án dân sự bình thường để tránh trường hợp bị sửa bản án về phần dân sự.

Thực tế, có nhiều vụ án trong giai đoạn điều tra 2 bên đã thỏa thuận xong về phần dân sự nhưng VKS không đề nghị và Tòa án không tuyên trong phần quyết định về việc công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; chỉ nêu trong phần nhận định là về phần dân sự giữ bị cáo và bị hại đã bồi thường xong nên không đề cập là chưa đảm bảo và chưa chặt chẽ theo quy định tại Điều 260 và Điều 326 BLTTHS.

9.2. Quyết định mức bồi thường không chính xác: Trong vụ án Phan Doãn Hùng và đồng phạm về tội Cố ý gây thương tích, bị cáo Phan Doãn Hùng là người giữ vai trò chính, chủ mưu, cầm đầu. Tuy nhiên Tòa án sơ thẩm lại buộc các bị cáo trong vụ án liên đới bồi thường thiệt hại theo phần bằng nhau (*mỗi bị cáo 90 triệu đồng, trong tổng số tiền 270 triệu đồng mà bị hại yêu cầu và thỏa thuận với các bị cáo*) là chưa đúng với quy định tại Điều 48 BLHS; Điều 587 BLDS và hướng dẫn tại Nghị quyết 03/2006/NQ- HĐTP, ngày 08/7/2006 của HĐTP TATC hướng dẫn về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng là "trách nhiệm bồi thường từng người cùng gây thiệt hại được xác định tương ứng với mức độ lỗi của mỗi người". Do vậy, trên cơ sở đề nghị của VKS, HĐXX cấp phúc thẩm đã sửa bản án sơ thẩm, tăng mức bồi thường đối với bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án. Nội dung này đã được VKSND tối cao thông báo rút kinh nghiệm tại thông báo số 894/TB-VKSTC ngày 21/11/2019 nhưng 1 số đơn vị chưa nghiên cứu, cập nhật để vận dụng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

10. Tính án phí

Trong vụ án Bùi Văn Tịnh, phạm tội "Cố ý gây thương tích", bị cáo đã gây thương tích cho bị hại dẫn đến tổn hại 30% sức khỏe. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 453.838.000đ. Tòa án sơ thẩm tuyên buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền: 65.379.420đ; tuyên không chấp nhận yêu cầu đòi bồi thường số tiền 388.458.580đ đồng thời tuyên buộc bị hại phải chịu 19.422.929đ (*mười chín triệu, bốn trăm bốn mươi hai nghìn, chín trăm hai mươi đồng*) án phí do yêu cầu không được Tòa án chấp nhận, là chưa đúng với quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Tại khoản 1, Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định những trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí, không phải chịu án phí: "...f) **Các trường hợp khác không phải nộp tiền tạm ứng án phí, án phí mà pháp luật có quy định.**"; điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định "**Người yêu cầu bồi thường về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín;**". VKSND tỉnh Hòa Bình đã kháng nghị đối với vụ án này và TAND tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm, chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát (*Nội dung này đã được VKSND cấp cao 1 thông báo rút kinh nghiệm tại Thông báo số 56/TB-VC1-HS ngày 15/11/2019*).

III. Nguyên nhân của những vi phạm, thiếu sót

- Lãnh đạo các đơn vị chưa sâu sát trong công tác chỉ đạo và kiểm tra đối với các hoạt động nghiệp vụ của KSV, chỉ căn cứ vào báo cáo của KSV, không trực tiếp kiểm tra tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để đối chiếu với nội dung đề xuất của KSV nên không phát hiện được những thiếu sót, sai phạm.

- KSV chưa phối hợp và kiểm sát chặt chẽ để đảm bảo các hoạt động điều tra của ĐTV phải đúng trình tự, thủ tục; yêu cầu tiến hành các biện pháp, phương pháp điều tra nhằm thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh, làm rõ tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội theo quy định của pháp luật. Nhất là trong quá trình kiểm sát điều tra, Kiểm sát viên chưa bám sát quá trình điều tra của Điều tra viên để đề ra yêu cầu điều tra kịp thời, đầy đủ, đặc biệt là chưa chú trọng đến các hoạt động đối chất, nhận dạng. Còn tình trạng KSV chưa xác định mối liên hệ chặt chẽ giữa giai đoạn THQCT KSĐT với giai đoạn THQCT KSXX, còn tách bạch giữa 2 khâu công tác này nên không có cái nhìn tổng thể, xuyên suốt quá trình giải quyết vụ án.

- Do nhận thức chuyên môn nghiệp vụ, kinh nghiệm, năng lực của 1 số KSV còn chưa đáp ứng được với yêu cầu trong thực tiễn; không nắm vững các quy định của pháp luật; trong quá trình xác minh, thu thập chứng cứ còn xuôi chiều, không có tư duy phản biện; quá trình giải quyết án chưa thực hiện đầy đủ các quy trình nghiệp vụ của Ngành cũng như quy định của BLTTHS, chưa chủ động nghiên cứu kỹ hồ sơ để phát hiện những mâu thuẫn, thiếu sót và báo cáo Lãnh đạo chỉ đạo thực hiện nhằm làm rõ những mâu thuẫn.

- Kiểm sát viên được phân công thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án chưa nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, chưa phát hiện được các mâu thuẫn trong hồ sơ để yêu cầu Cơ quan điều tra khắc phục, bổ sung kịp thời.

- Chất lượng xây dựng đề cương xét hỏi, dự kiến tranh tụng và dự thảo luận tội còn hạn chế, không bao quát được hết các tình huống phát sinh tại phiên tòa nên để hồng hồ sơ vụ án và chất lượng tranh tụng đối với 02 loại tội phạm này chưa cao.

IV. Bài học kinh nghiệm

1. Tội Cố ý gây thương tích và TNGT thường có hiện trường phức tạp nên công tác khám nghiệm hiện trường cần chi tiết, chặt chẽ. (1) Khi tham gia KNHT, Kiểm sát viên cần tự chụp ảnh lại các dấu vết để lại hiện trường để đối chiếu, so sánh dấu vết khi cần thiết; (2) ngoài việc ghi nhận dấu vết tại hiện trường cần chú trọng đến việc ghi nhận tình trạng dấu vết trên thân thể, công cụ, phương tiện phạm tội để phục vụ việc đánh giá chứng cứ, tranh tụng tại phiên tòa (*Đối với vụ Phan Anh Tuấn – Điều 202, khi khám nghiệm hiện trường CQĐT đã lập biên bản ghi nhận tình trạng xe của bị cáo hiện đang cài số, biên bản được lập khá chặt chẽ, có sự tham gia của người làm chứng là bác ruột của bị cáo. Chứng cứ này cực kỳ quan trọng, có ý nghĩa trong việc đấu tranh, phản bác lại lời khai phản cung của bị cáo về việc bị cáo không điều khiển xe sang đường đột ngột, xe bị cáo đã tắt máy và bị cáo dùng chân đẩy xe sang đường từ từ, do bị hại đi nhanh đã đâm vào bị cáo*).

2. Đối với những vụ án phức tạp, có mâu thuẫn chứng cứ cần thực nghiệm điều tra để mô tả lại diễn biến hành vi phạm tội và xác định lại dấu vết. Việc thực nghiệm điều tra được coi là chứng cứ khác và có giá trị sử dụng trong quá trình bị can, bị cáo thay đổi lời khai tại phiên tòa. Đối với vụ án TNGT khi thực nghiệm điều tra cần mời Phòng KTHS tham gia để xem xét, đánh giá cơ chế hình thành dấu vết.

3. Đối với KSV được phân công THQCT và KSXX mà không được phân công THQCT và KSĐT vụ án thì KSV nên kiểm tra thực tế hiện trường để nhìn nhận lại hiện trường, làm rõ những mâu thuẫn hoặc những vấn đề chưa rõ, đối với những vụ án giao thông phức tạp thì việc chỉ nhìn hiện trường, phương tiện qua hồ sơ, bản ảnh rất khó để hiểu hết nội dung cũng như diễn biến, dấu vết của vụ tai nạn.

4. KSV phải chấp hành chấp hành nghiêm túc việc trích lục, hệ thống chứng cứ buộc tội và gỡ tội theo Quy chế THQCT và KSXX án hình sự. Khi tiến hành hệ thống chứng cứ buộc và chứng cứ gỡ sẽ giúp cho KSV dễ dàng tra cứu, trích dẫn hoặc công bố khi tranh tụng.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, trong những năm gần đây VKS đã thực hiện tốt việc gắn công tố với hoạt động điều tra, đã theo sát cơ quan điều tra trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ, điều này dẫn đến tình trạng KSV chủ quan cho rằng đã nắm chắc hồ sơ vụ án nên khi kết thúc điều tra không đọc lại hồ sơ vụ án,

hệ thống lại các chứng cứ nên không phát hiện ra được những thiếu sót, mâu thuẫn trong hồ sơ.

5. Khi phát hiện những mâu thuẫn, thiếu sót trong hồ sơ vụ án phải tiến hành khắc phục ngay như thu thập thêm tài liệu chứng cứ hoặc đề nghị trả hồ sơ điều tra bổ sung để tránh bị động tại phiên tòa.

Đối với vụ Phạm Anh Tuấn – Điều 202, khi nghiên cứu hồ sơ để xét xử phúc thẩm, nhận thấy hồ sơ có nhiều sai sót, mâu thuẫn, VKSND tỉnh Hòa Bình đã yêu cầu CQĐT và Phòng KTHS Công an tỉnh Hòa Bình xác minh bổ sung và giải trình làm rõ mâu thuẫn. Tại phiên tòa phúc thẩm, khi VKS bổ sung các tài liệu chứng cứ mới nên không còn căn cứ phát sinh tranh luận như tại phiên tòa sơ thẩm.

Kinh nghiệm cho thấy đối với các vi phạm về tố tụng thì gần như không thể khắc phục được tài liệu đã vi phạm mà chỉ có thể bổ sung thêm tài liệu khác và tìm căn cứ để chứng minh các tài liệu đó vẫn phản ánh đúng sự thật khách quan, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, bị cáo.

6. Chú trọng công tác phối hợp với CQĐT và TAND cùng cấp trong quá trình giải quyết vụ án. Nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc cần báo cáo ngay với các phòng nghiệp vụ VKSND tỉnh Hòa Bình.

7. Quá trình THQCT và KSXX cần nghiên cứu án lệ và thông báo rút kinh nghiệm của VKS cấp trên để vận dụng trong vấn đề xác định tội danh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ....(*Án lệ số 01/2016, phân biệt tội Cố ý gây thương tích dẫn đến hậu quả chết người và tội Giết người; Án lệ số 17/2018 về phạm tội có tính chất côn đồ; Án lệ số 30/2000 về hành vi cố ý điều khiển phương tiện giao thông chèn lên bị hại sau khi xảy ra TNGT...*)

8. Kiểm sát viên khi thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử các vụ án hình sự cần bám sát quá trình điều tra, nghiên cứu kỹ hồ sơ, phát hiện mâu thuẫn, đề ra yêu cầu điều tra; trong trường hợp buộc tội theo lời khai thì khi lời khai giữa bị cáo và người làm chứng đã thống nhất cũng cần thực hiện biện pháp nghiệp vụ để tránh sau này nhân chứng và bị hại thay đổi lời khai tại phiên tòa (như ghi âm, ghi hình lời khai bị cáo, nhân chứng; lập biên bản làm việc dạng đối chất thuận, để bị cáo và bị hại xác nhận lời khai của nhau là chính xác, khách quan) tránh trường hợp bị cáo phản cung tại phiên tòa.

V. Giải pháp nâng cao chất lượng THQCT và KSXX án Cố ý gây thương tích và tai nạn giao thông

1. Tiếp tục đổi mới công tác chỉ đạo điều hành

Lãnh đạo các đơn vị VKSND cấp sơ thẩm cần thường xuyên kiểm tra, đôn đốc tiến độ, chất lượng đối với từng vụ án đã phân công cho Kiểm sát viên. Thường xuyên nắm bắt khó khăn, vướng mắc và trao đổi với lãnh đạo Cơ quan điều tra và

Tòa án cùng cấp để thống nhất quan điểm giải quyết vụ án, định hướng rõ ràng quan điểm giải quyết vụ án cho Kiểm sát viên.

Phòng nghiệp vụ VKSND tỉnh Hòa Bình chú trọng và thực hiện tốt công tác nghiên cứu cáo trạng và kiểm sát bản án sơ thẩm nhằm phát hiện sai phạm thiếu sót để hướng dẫn kịp thời.

Đối với những vụ án phức tạp, có nhiều quan điểm khác nhau về đánh giá chứng cứ, xác định tội danh, lãnh đạo các đơn vị cần họp bàn, trao đổi nghiệp vụ; trong trường hợp cần thiết phân công thêm Kiểm sát viên để thực hiện nguyên tắc suy đoán vô tội, phản biện quan điểm buộc tội, từ đó phục vụ tốt hơn cho việc buộc tội.

Chú trọng thực hiện công tác thỉnh thị và trả lời thỉnh thị, đảm bảo giữa cấp sơ thẩm và phúc thẩm; giữa Phòng 2 và phòng 7 có sự thống nhất trong nhận thức về quan điểm giải quyết vụ án.

2. Nâng cao kỹ năng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ

Các phòng nghiệp vụ VKSND tỉnh Hòa Bình tiếp tục tăng cường thực hiện việc ban hành thông báo rút kinh nghiệm cho VKSND cấp sơ thẩm.

Các đơn vị tiếp tục triển khai việc nghiên cứu và vận dụng tài liệu tập huấn chuyên đề “Bồi dưỡng kỹ năng THQCT, KSĐT các vụ án về tội Cố ý gây thương tích và Vi phạm các quy định về tham gia giao thông đường bộ” năm 2017 của Phòng 2 VKSND tỉnh Hòa Bình và kiến thức tập huấn công tác khám nghiệm hiện trường; công tác thu thập đánh giá, sử dụng chứng cứ do VKSND tỉnh Hòa Bình phối hợp cùng Học viện cảnh sát nhân dân tổ chức để áp dụng trong quá trình hoạt động nghiệp vụ, tạo tiền đề thực hiện tốt công tác THQCT và KSXX án hình sự.

Lãnh đạo các đơn vị chú trọng việc lựa chọn 02 loại tội này để tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm để các đồng chí cán bộ, KSV trong đơn vị tham gia theo dõi phiên tòa nhằm rút ra những kinh nghiệm trong quá trình công tác (thực tế qua theo dõi việc tổ chức các phiên tòa rút kinh nghiệm nhận thấy tỷ lệ các vụ án về tội Cố ý gây thương tích và án tai nạn giao thông được các đơn vị tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm rất thấp).

3. Nâng cao ý thức trách nhiệm của KSV

- Khi được phân công THQCT và KSXX vụ án, KSV cần thực hiện hết nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Điều 266 BLTTHS và các thao tác nghiệp vụ của Ngành quy định trong Quy chế kiểm sát xét xử (Quy chế 505), đặc biệt chú trọng quy định về việc bổ sung chứng cứ mới. Trong giai đoạn truy tố và chuẩn bị xét xử nếu phát hiện hồ sơ vụ án còn thiếu sót thì kịp thời báo cáo lãnh đạo, chủ động trao đổi với thẩm phán và ĐTV để khắc phục ngay, hạn chế việc trả điều tra bổ sung, tránh trường hợp VKS truy tố Tòa tuyên không phạm tội. Kiểm sát viên phải thường xuyên phối hợp với chủ tọa phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án

với tinh thần cầu thị, không bảo thủ đối với ý kiến trao đổi góp ý của thẩm phán về chất lượng hồ sơ, hướng giải quyết vụ án.

- Kiểm sát viên cần nắm vững các quy định của pháp luật có liên quan, đặc biệt là Thông tư số 63/2020 của Bộ Công an về quy trình giải quyết tai nạn giao thông đường bộ khi kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường các vụ tai nạn giao thông.

- Kiểm sát chặt chẽ việc chuẩn bị xét xử của Tòa án, chú trọng kiểm sát nội dung Tòa án tiếp nhận chứng cứ, đồ vật tài liệu mới do cá nhân, tổ chức cung cấp để KSV sớm được tiếp cận, xem xét, đánh giá chứng cứ mới trước khi mở phiên tòa.

- Trước khi xét xử, KSV cần nghiên cứu kỹ nội dung vụ án và các chứng cứ chứng minh người thực hiện hành vi phạm tội, chứng cứ gỡ tội để đảm bảo cáo cáo đầy đủ tình tiết, nội dung vụ án đối với lãnh đạo (*thực tế có những Cáo trạng và bản án không phản ánh đúng và đầy đủ diễn biến vụ án dẫn đến nếu chỉ đọc Cáo trạng và bản án sẽ không phát hiện những vi phạm, thiếu sót*)

- KSV phải căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án để đánh giá thống nhất, logic các tài liệu với nhau nhằm dự kiến trước các vấn đề cần làm rõ để xây dựng đề cương xét hỏi, đề cương tranh luận có chất lượng, phù hợp với từng vụ án, chuẩn bị các văn bản pháp luật làm căn cứ để tranh luận đối đáp. Nhất là dự kiến tại phiên tòa bị cáo phản cung, chối tội hoặc luật sư bào chữa theo hướng không có tội (*Đây là những thao tác nghiệp vụ mà KSV bắt buộc phải thực hiện theo Quy chế 505. Tuy nhiên, qua công tác kiểm tra nghiệp vụ cho thấy, chất lượng đề cương xét hỏi, dự kiến tranh luận của KSV còn thấp, nội dung sơ sài, dự kiến tranh luận dập khuôn theo mẫu, chưa phù hợp với nội dung vụ án*). Để khắc phục những hạn chế nêu trên, trong thời gian tới lãnh đạo các đơn vị sát sao hơn trong công tác chỉ đạo, điều hành, cần cho ý kiến đối với đề cương xét hỏi, dự kiến tranh luận và dự thảo luận tội của KSV.

- Kiểm sát chặt chẽ bản án; tiếp tục nghiên cứu, vận dụng chuyên đề “Nhận diện vi phạm trong quá trình kiểm sát bản án sơ thẩm” do Phòng 7 xây dựng và tập huấn từ năm 2020 để phát hiện thiếu sót vi phạm và báo cáo lãnh đạo viện kiến nghị, kháng nghị kịp thời./.

Bùi Thị Thu Hằng – Phòng 7